



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IX/2017



HÀ NỘI, THÁNG X/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2017	12
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	16
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2017.....	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $2,8^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -282mm đến 603mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -81 giờ đến 73 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -7% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

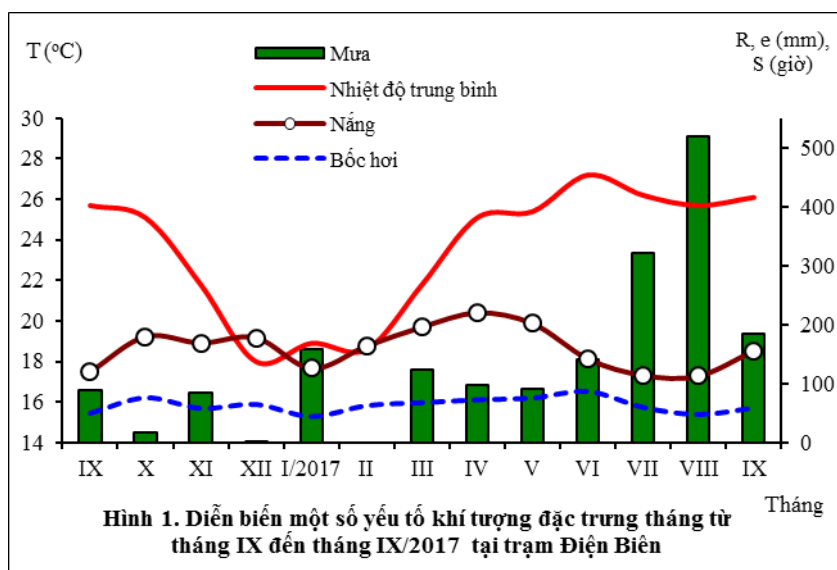
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,2$ đến $2,1^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,4^{\circ}\text{C}$ đến $28,4^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,3^{\circ}\text{C}$ đến $25,9^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $16,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 15/IX tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,1^{\circ}\text{C}$ đến $33,3^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $37,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 19/IX tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Điện Biên

xung quanh giá trị TBNN (-157mm đến 116mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 98mm đến 369mm, cao nhất là 506mm xảy ra tại Chi Nê.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 21mm đến 163mm, cao nhất là 210mm xảy ra ngày 16/IX tại Chi Nê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -30 giờ đến 27 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 114 giờ đến 189 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2017 dao động từ 80% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 15/IX tại Mường Tè.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2017 có giá trị phổ biến từ 29mm đến 90mm, cao nhất là 122mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-450mm đến -60mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 7mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 15 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $2,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,7^{\circ}\text{C}$ đến $29,1^{\circ}\text{C}$

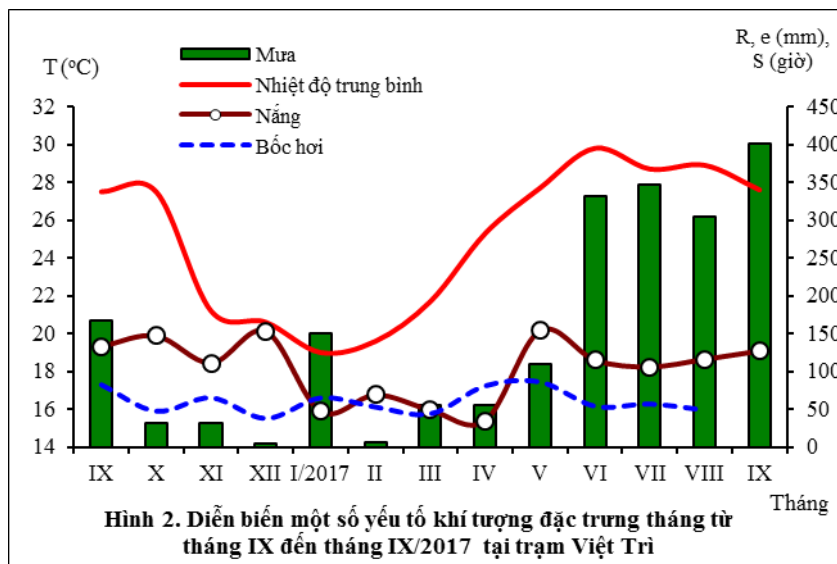
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $17,7^{\circ}\text{C}$ đến $26,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt

độ không khí thấp nhất là 12,0⁰C xảy ra vào ngày 20/IX tại Than Uyên.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,9⁰C đến 35,4⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào ngày 19/IX tại Vĩnh Yên.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 120mm đến 378mm; cao nhất là 1028mm tại Bắc Quang, tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-94mm đến 603mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng IX



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Việt Trì

đến tháng IX/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 17mm đến 169mm, cao nhất là 228mm xảy ra vào ngày 16/IX tại Việt Trì. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 14 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 95 giờ đến 185 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-60 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2017 phổ biến từ 83 đến 92%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 52%, xảy ra vào ngày 18/IX tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 29mm đến 89mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1028mm đến -68mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 4mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Lào Cai với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 6 đến 18

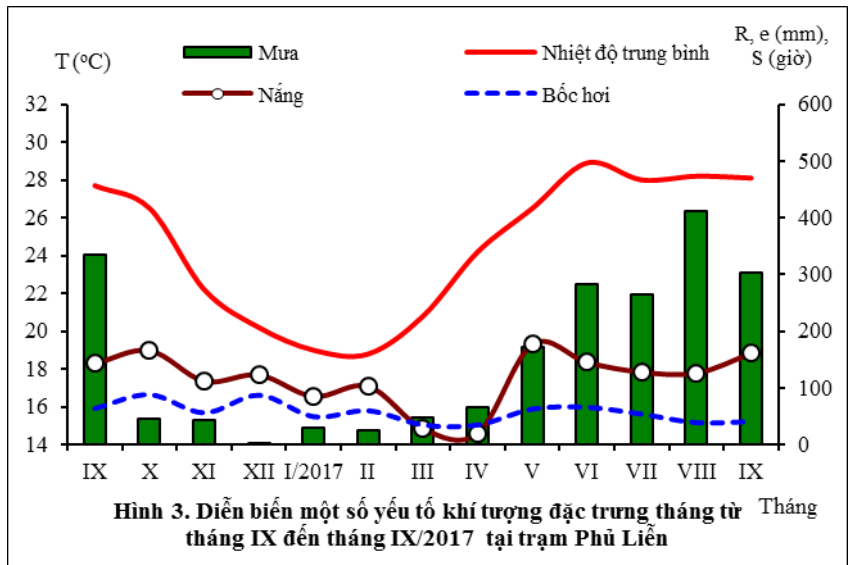
ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,0 đến 1,8⁰C); có giá trị dao động từ 25,5⁰C đến 28,8⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,4⁰C đến 33,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào các ngày 28/IX tại Bảo Lạc.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,3⁰C đến 26,3⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,0⁰C xảy ra vào ngày 17/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2017 dao động phổ biến từ 91mm đến 409mm, cao nhất là 413mm tại Cửa Ông, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-61mm đến 124mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 20 đến 101mm, cao nhất là 153mm xảy ra vào ngày 16/IX tại Bắc Ninh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-81 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 111 giờ đến 177 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2017 ở các nơi dao động phổ biến

từ 85 đến 91%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% - 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 28/IX tại Móng Cái.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 41mm đến 69mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-302mm đến -31mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 5mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 3 ngày với có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 9 đến 22 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,5⁰C đến 29,3⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,2⁰C đến 2,1⁰C) (hình 10);

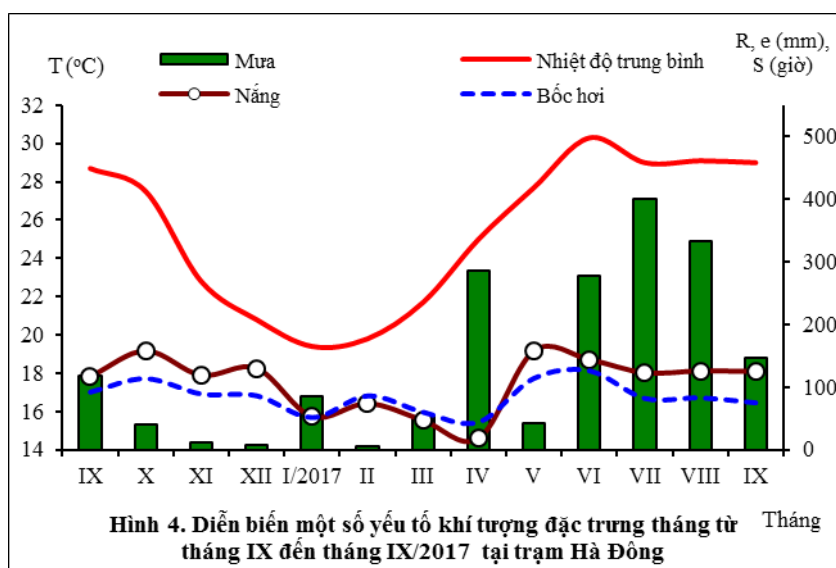
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7⁰C đến 33,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,7⁰C xảy ra vào ngày 2/IX tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,8⁰C đến 26,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,5⁰C xảy ra vào ngày 11/IX tại Hải Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -169mm đến 228mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 147mm đến 454mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 50 đến 158mm, cao nhất là 267mm xảy ra ngày 16/IX tại Sơn Tây; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 19



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Hà Đông

ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 98 giờ đến 181 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -74 giờ đến -19 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-3% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 2/IX tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 42mm đến 753mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -389mm đến -72mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

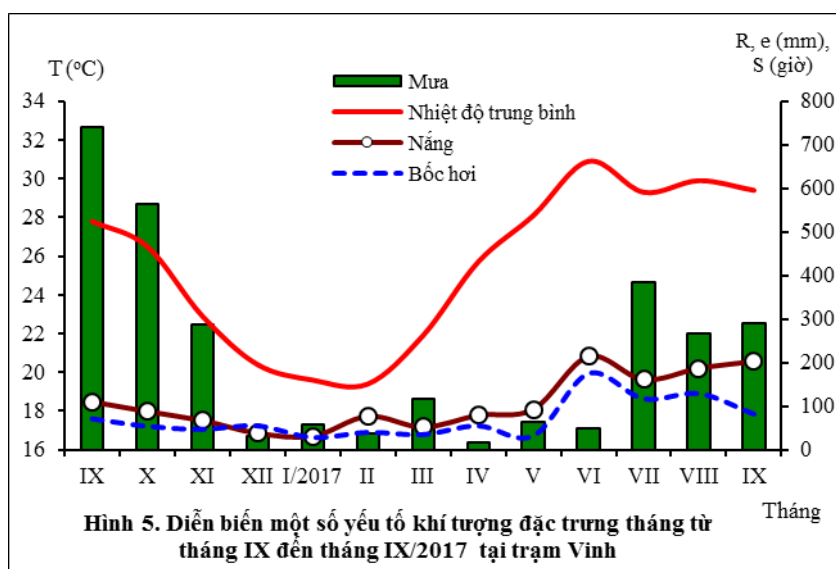
- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Láng với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 10 đến 18 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,5⁰C đến 2,8⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 27,7⁰C đến 29,4⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,7⁰C đến 33,9⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,2⁰C xảy ra vào ngày 9/IX tại Hương Khê.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,8⁰C đến 26,8⁰C, giá

trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 4/IX tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 220mm đến 496mm, cao nhất là 522mm tại Tĩnh Gia. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-282mm đến 94mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 70 đến 294mm, cao nhất là 311mm xảy ra vào ngày 15/IX tại Hương Khê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 138 đến 228 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -14 giờ đến 73 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 41% xảy ra vào ngày 9/IX tại Hà Tĩnh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 45mm đến 95mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-467mm đến -154mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 9 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 16 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2017 từ $24,6^{\circ}\text{C}$ đến $29,4^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($1,0^{\circ}\text{C}$ đến $2,4^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $30,1^{\circ}\text{C}$ đến $34,3^{\circ}\text{C}$, giá

trị nhiệt độ cao nhất là 37,4⁰C xảy ra vào ngày 9/IX tại Ba Đồn.

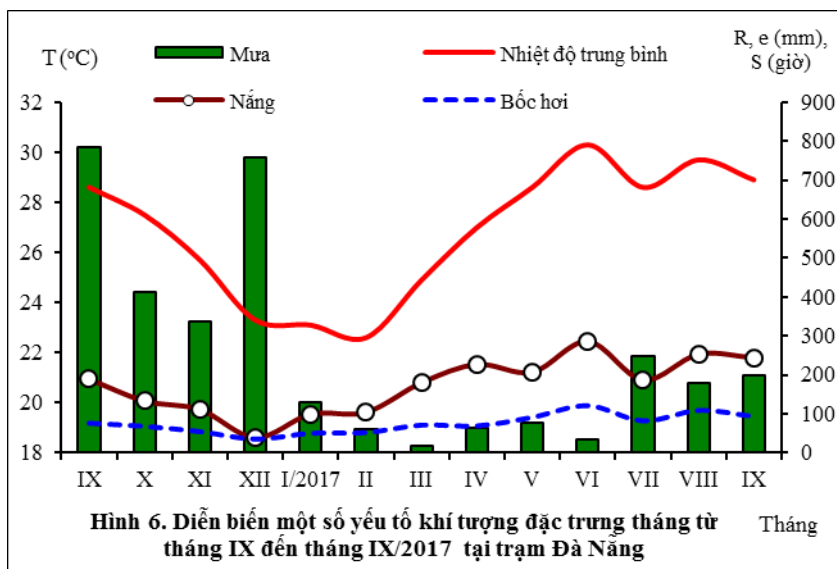
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,6⁰C đến 26,4⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,0⁰C xảy ra vào ngày 8/IX tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IX/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 101mm đến 573mm, thấp nhất là 40mm tại Ba Tư. Ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN -256mm đến -43mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13 đến 289mm, cao nhất là 374mm xảy ra vào ngày 15/IX tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng IX đến tháng IX/2017 trên hình 6.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Đà Nẵng

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 177 giờ đến 244 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 69 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 6/IX tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 44mm đến 93mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-364mm đến -32mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 22 ngày.

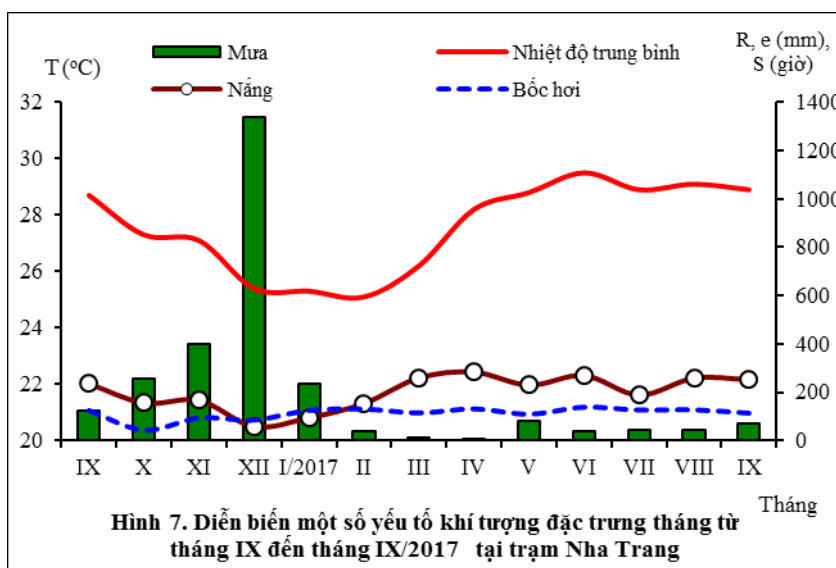
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2017 từ 27,9⁰C đến 29,5⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,2 đến 1,4⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,8⁰C đến 34,2⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,7⁰C xảy ra vào ngày 3/IX tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,5⁰C đến 27,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4⁰C, xảy ra vào ngày 5/IX tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng IX đến tháng IX/2017 được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 59mm đến 155mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -151mm đến -82mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 26mm đến 62mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 7 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 5 đến 17 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 222 giờ đến 262 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (26 giờ đến 59 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 77% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -4% đến 3% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 42% xảy ra vào ngày 12/IX tại Phan Thiết.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 115mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-16mm đến 50mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

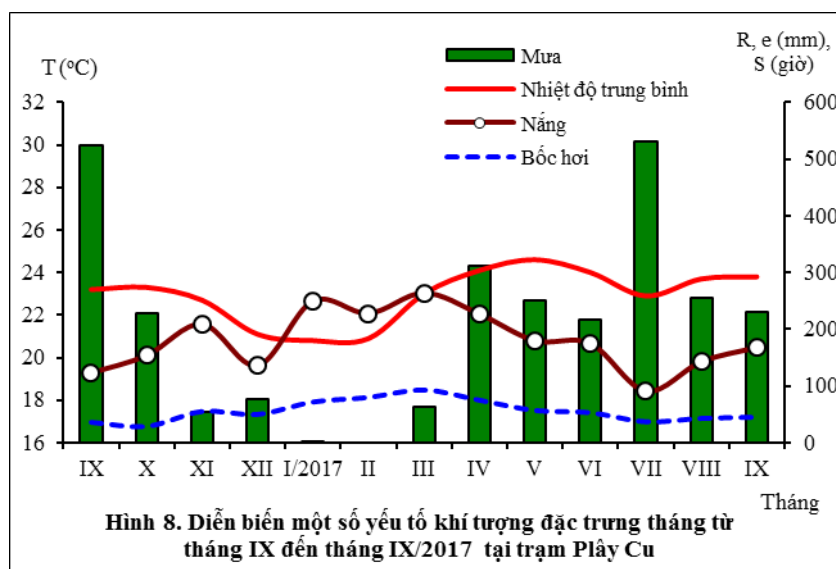
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2017 từ 19,7⁰C đến 28,2⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9⁰C đến 1,7⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,8⁰C đến 33,7⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,0⁰C xảy ra vào ngày 11/IX tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,7⁰C đến 25,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,3⁰C xảy ra vào ngày 7/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2017 dao động từ 143mm đến 309mm, thấp nhất là 80mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -140mm đến 19mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19mm đến 58mm, số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 13 đến 24 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2017 phổ biến từ 126 giờ đến 232 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-17 giờ đến 51 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 2% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 83% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 10/IX tại Bảo Lộc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 77mm, cao nhất là 90mm tại Liên Khương. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-265mm đến -133mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 20 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

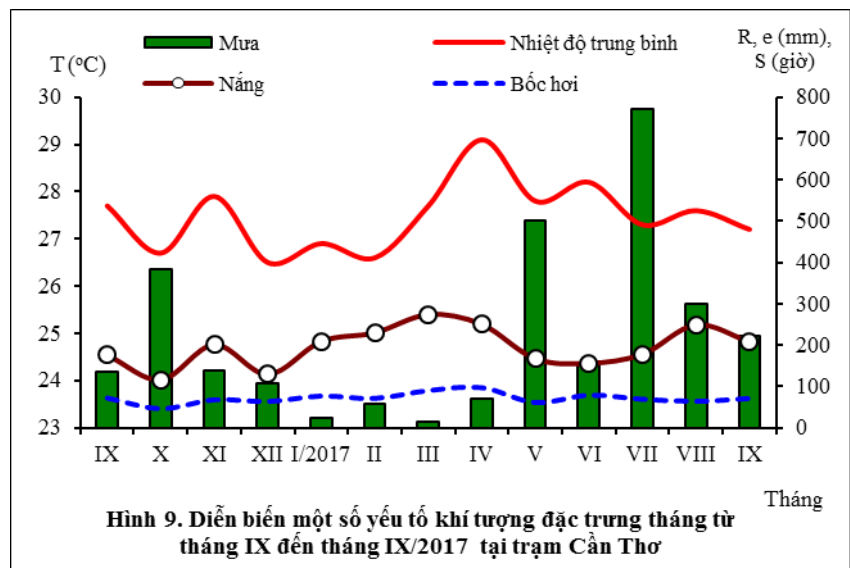
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2017 từ 26,7⁰C đến 29,0⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,4⁰C đến 2,2⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,9⁰C đến 34,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,0⁰C xảy ra vào ngày 5/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,8⁰C đến 26,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,3⁰C xảy ra vào ngày 14/IX tại Tân Sơn Nhất. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2017 dao động phổ biến từ 128mm đến



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2017 tại trạm Cần Thơ

362mm, cao nhất là 440mm tại Tân Sơn Nhất. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-118mm đến 112mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 32mm đến 78mm, cao nhất là 84mm xảy ra vào ngày 27/IX tại Trị An.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 15 đến 25 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 13 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2017 phổ biến từ 135 giờ đến 225 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-11 giờ đến 41 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 7% đến 2% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 9/IX tại Cần Thơ.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 42mm đến 97mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-351mm đến -60mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 19 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2017

Thời tiết tháng IX nhìn chung không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nền nhiệt cao hơn TBMM, số giờ nắng và độ ẩm không khí ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN nhưng do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn và cơn bão số 10 vào trung tuần tháng IX đã gây thiệt hại nặng nề cho kinh tế xã hội nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng, đặc biệt là các tỉnh Bắc Bộ và Miền Trung.

Cơn bão số 10 đã đổ bộ vào các tỉnh miền Trung, đây được coi là cơn bão mạnh nhất trong vòng nhiều năm qua gây thiệt hại nặng nề cho các tỉnh ven biển, đặc biệt là vùng tâm bão từ Hà Tĩnh đến Quảng Bình. Tuy nhiên, công tác dự báo và phòng chống bão đã được triển khai kịp thời, chính xác góp phần hạn chế mức độ thiệt hại do bão gây ra. Theo thống kê sơ bộ, cơn bão số 10 đã làm thiệt hại 17,8 nghìn ha lúa, 14,4 nghìn ha hoa màu, 48,1 nghìn ha cây ăn quả,

cây công nghiệp và 13,4 nghìn ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập, hư hỏng. Cụ thể:

Tại Hà Tĩnh: Sản xuất nông nghiệp bị ngập và hư hỏng 332ha lúa; 1.642ha rau màu; 1.531ha cây ăn quả; 1.337ha nuôi trồng thủy sản; 308 phương tiện tàu thuyền, 18.303ha cây lâm nghiệp đổ gãy.

Tại Nghệ An: Sản xuất nông lâm nghiệp chịu thiệt hại nặng nề với 494 ha lúa mùa bị đổ, gãy; 2.725ha ngô và rau màu các loại bị hư hỏng, 468,37ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại...

Tại Thanh Hóa: Về nông nghiệp, lâm nghiệp, loại thiệt hại 70% trở lên gồm lúa gần 350 ha; ngô hơn 50 ha, cây ăn quả 123 ha.. cây lâm nghiệp gãy đổ 1,5ha, cây ngập mặt 1,4ha; Có hơn 257 ha thủy sản bị thiệt hại trên 70%; Bên cạnh đó, có hơn 100 gia súc chết, hơn 4.000 gia cầm bị chết và cuốn trôi

Tại Quảng Bình: Về nông lâm nghiệp, diện tích hoa màu, rau màu bị thiệt hại là 1.978,1ha, diện tích trồng cây hàng năm là 3.207 ha; diện tích cây trồng lâu năm là 2.069 ha; diện tích cây cao su bị gãy, đổ là 6.610 ha... Số gia súc bị chết, cuốn trôi là 2.640 con, gia cầm là 315.273 con

Tại Quảng Trị: 48,5 ha lúa và hơn 360 ha hoa màu hư hại. Diện tích cây trồng lâu năm (cao su, hồ tiêu) bị ảnh hưởng 3.273,86 ha, một số diện tích cây trồng lâu năm (sắn, từ, tía, đậu, ngô, ..) bị bão tàn phá: 582,4 ha, cây ăn quả tập trung: 142 ha.

Tại Thừa Thiên Huế: toàn tỉnh còn có 583 ha lúa hè thu chưa kịp thu hoạch có khả năng bị ngập, hư hại

Nhiệm vụ trọng tâm của ngành trồng trọt trong tháng là chăm sóc, thu hoạch lúa mùa ở miền Bắc và thu hoạch lúa hè thu, gieo trồng lúa thu đông, lúa mùa ở các tỉnh ở các tỉnh phía Nam. Tính đến cuối tháng 9, cả nước đã gieo cấy đạt 1.571,7 nghìn ha lúa mùa, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, tại các địa phương phía Bắc, đã cho thu hoạch đạt trên 76 nghìn ha. Năng suất lúa mùa trên những diện tích đã thu hoạch ước đạt 50,3 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam gieo cấy lúa mùa đạt 435,5 nghìn ha, bằng 98,1% cùng kỳ. Cùng với gieo cấy lúa mùa các tỉnh phía Nam đã thu hoạch đạt gần 1.757,7 nghìn ha lúa hè thu, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước và chiếm 91% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 54,7 tạ/ha.

1. Đối với cây lúa

+ **Lúa mùa:** Tính đến cuối tháng IX, cả nước đã gieo cấy đạt 1.571,7 ngàn ha lúa mùa, bằng 98,7% so với cùng kỳ năm trước. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với 1.136,2 ngàn ha diện tích gieo cấy, bằng 99% cùng kỳ, trong đó Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản kết thúc gieo cấy, diện tích gieo cấy đạt 543,2 ngàn ha, bằng 99,4% cùng kỳ. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm là do chuyển đổi đất lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng các công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng... (3,9 nghìn ha), hoặc chuyển sang trồng cây hàng năm khác (2,8 nghìn ha), cây lâu năm (1,5 nghìn ha) và chuyển sang nuôi trồng thủy sản (1,7 nghìn ha); nhiều diện tích trồng lúa bị bỏ hoang do khó khăn trong khâu tưới tiêu và thiếu lao động (2,4 nghìn ha), do đầu vụ mưa nhiều, gây ngập úng (1,3 nghìn ha); ngoài ra là do các nguyên nhân khác như chuyển đổi mùa vụ, chuyển sang đất phi lâm nghiệp... (5,6 nghìn ha).

Đến nay, tại các địa phương phía Bắc, lúa mùa sớm đang giai đoạn đở đui – thu hoạch, lúa mùa trung đang giai đoạn đòng già - trổ, lúa mùa muộn đang giai đoạn đứng cái - làm đòng, diện tích đã cho thu hoạch đạt trên 76 nghìn ha. Năng suất lúa mùa trên những diện tích đã thu hoạch ước đạt 50,3 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của mưa bão liên tiếp trong quá trình gieo cấy và sinh trưởng, nên dự ước năng suất lúa toàn vụ mùa năm nay sẽ khó có thể tăng cao.

Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến cuối tháng IX diện tích gieo cấy đạt 435,5 ngàn ha, bằng 98,1% cùng kỳ

+ **Lúa hè thu:** Tính đến cuối tháng, diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.101,2 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam, đạt 1.930,2 ngàn ha, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1.651,8 ngàn ha, giảm 0,5% so với cùng kỳ. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1.757,7 ngàn ha, bằng 99,6% cùng kỳ năm trước và chiếm 91% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 1.530,6 ngàn ha, bằng 98,6% cùng kỳ và chiếm 93% diện tích đã gieo trồng. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 54,7 tạ/ha.

Như vậy, mặc dù thời tiết thuận lợi hơn cùng kỳ nhưng kết quả sản xuất lúa vụ Hè thu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long không tăng trưởng như kỳ vọng. Vụ Hè thu 2017 không bị nhiễm mặn trực tiếp nhưng thổ nhưỡng tại một số địa phương vẫn chưa đáp ứng được như cầu phát triển của lúa do độ mặn, dư lượng phèn trong đất vẫn cao.

+ **Lúa thu đông:** Tính đến cuối tháng IX, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 629,9 ngàn ha lúa thu đông, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Vụ thu đông năm nay, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, sâu bệnh có thể gây hại trên diện rộng nên để tránh thiệt hại, nhiều tỉnh đã chủ động xả lũ vào ruộng để tăng cường lượng phù sa, nhằm làm cho đất màu mỡ giảm dịch bệnh cho vụ sau. Bên cạnh đó, dự báo năm nay lũ đầu nguồn tăng cao, nên người dân được khuyến cáo chỉ trồng lúa vào những nơi có đê bao chắc chắn, những nơi không an toàn thì tuyệt đối không gieo trồng. Vì vậy, diện tích gieo trồng vụ lúa Thu Đông 2017 có khả năng giảm so với năm 2016. Hiện lúa đang phát triển khá tốt, sâu bệnh gây hại không đáng kể. Đến cuối tháng diện tích lúa đã thu hoạch chiếm khoảng 34% diện tích xuống giống, năng suất toàn vụ ước đạt 51,9 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so cùng kỳ năm trước.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	Quá ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa chắc xanh	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè ngâm sữa	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa mọc dón	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	Quá ẩm	
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa chắc xanh	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
12			Lúa mùa chắc xanh	Khá	3cm	
13			Ngô chín hoàn toàn	TB	Quá ẩm	
14		Hải Dương	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	4cm	
15		Hưng Yên	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
16		Nam Định	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	16cm	Sâu đục thân rất nhẹ <10%
17		Ninh Bình	Lúa mùa trở, ngâm sữa	TB	4cm	
18		Thái Bình	Lúa mùa ngâm sữa	Khá	25cm	
19	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc hình thành quả	Kém	Quá ẩm	
20			Đậu tương ra quả	kém	Quá ẩm	Mưa lớn cây chết
21		Thanh Hoá	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	4cm	

22		Quỳnh Lưu	Thu hoạch lúa hè thu			
23		Đô Lương	Lúa hè thu chín hoàn toàn	TB	3cm	
24	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu chắc xanh	TB	âm	
25	Nam	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
26	Trung Bộ	An Nhơn	Chuyển vụ			
27	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	âm	
28	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá âm	
29		Trà Nóc	Lúa hè thu chín hoàn toàn	TB	4cm	
30		Mỹ Tho	Gieo lúa mùa			
31		Bạc Liêu	Thu hoạch, lúa hè thu, lúa mùa lá thứ 5, đẻ nhánh	Khá	11cm	Chuột phá nhẹ

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

+ Cây hàng năm :

Ngoài việc thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Do ảnh hưởng của mưa bão, ngập úng trên diện rộng nên tiến độ gieo trồng rau màu thấp hơn cùng kỳ. Tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.607 ngàn ha, giảm 1,6%; trong đó diện tích ngô đạt 1,034.6 ngàn ha, khoai lang đạt 101,7 ngàn ha, sắn đạt 461,3 ngàn ha. Hiện bà con nông dân các tỉnh phía Bắc đang được khuyến cáo đẩy nhanh tiến độ gieo trồng cây màu cho kịp thời vụ trên những diện tích lúa không có khả năng phục hồi do úng ngập sau đợt mưa lũ vừa qua. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt 487,8 ngàn ha, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lạc ước đạt 182,3 ngàn ha; diện tích đậu tương đạt 67,4 ngàn ha; thuốc lá đạt 17,5 ngàn ha; mía đạt 220,5 ngàn ha, và diện tích rau, đậu các loại 951,6 ngàn ha.

+ Cây lâu năm

Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm IX tháng đầu năm ước đạt 3366,8 nghìn ha, tăng 1,54% so năm 2016, trong đó nhóm cây ăn quả tăng 2,97%; nhóm cây gia vị giảm 1,22%; các nhóm cây khác đều tăng nhẹ.

Cây ăn quả: sản lượng tăng nhẹ, sản lượng xoài ước tăng 10,7%; sản lượng chuối ước tăng 8,7%; sản lượng thanh long ước tăng 15%; sản lượng cam tăng 12%; sản lượng quýt tăng 6%; sản lượng chanh ước tăng 8,7%; sản lượng bưởi ước tăng 6,6%. Riêng sản lượng nhóm nhãn, vải giảm nhiều do thời tiết

không thuận lợi khi ra hoa. Trong đó: sản lượng nhãn ước giảm 2,9%; sản lượng vải giảm 23,3% so với cùng kỳ.

Cây công nghiệp lâu năm: Trong những năm gần đây các địa phương tiếp tục phát triển các giống chè, hồ tiêu cho năng suất, chất lượng cao; Trong năm 2017, do nhiều diện tích cây lâu năm đến kỳ cho sản phẩm nên sản lượng các cây trồng vẫn đạt khá. Sản lượng hồ tiêu ước tăng 9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng chè búp ước tăng 1%; sản lượng cao su ước tăng 3,9%; sản lượng cà phê ước tăng 1,8%; riêng sản lượng điều giảm 28% so năm 2016 do xuất hiện sương mù trong đợt ra hoa nên nhiều diện tích bị mất trắng.

- Tại Hoài Đức ngô chín hoàn toàn, sinh trưởng trung bình trên nền đất quá ẩm. Cam ra lá mới, sinh trưởng trung bình trên nền đất quá ẩm.

- Lạc và đậu tương ở Yên Định đang ra quả, sinh trưởng kém do quá ẩm và mưa lớn làm chết cây.

- Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, Phú Hộ; nẩy chồi ở Ba Vì. Chè sinh trưởng trung bình đến khá trên nền đất ẩm đến quá ẩm (bảng 10).

- Cà phê Eakmat trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt trên nền đất ẩm. Cà phê quả chín ở Xuân Lộc, sinh trưởng trung bình trong điều kiện đất quá ẩm

3. Tình hình sâu bệnh

Theo Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng IX một số dịch bệnh hại lúa có dấu hiệu giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái và tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc và một số tỉnh ở phía Nam bao gồm: Bệnh đạo ôn lá hại lúa, bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa và bệnh sâu đục thân hại lúa; Tiếp tục gia tăng so với cùng kỳ năm ngoái như bệnh rầy nâu hại lúa, bệnh lùn sọc đen, bệnh đạo ôn hại lá, bệnh đạo ôn cổ bông. Riêng một số bệnh như: Rầy nâu, RLT hại lúa, bệnh lùn sọc đen hại lúa, khô vằn hại lúa có dấu hiệu gia tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể:

- Bệnh đạo ôn lá hại lúa diện tích nhiễm 9,217 ha, tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam.

- Bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa diện tích nhiễm 13,032 ha, diện tích nhiễm ở các tỉnh phía Nam.

- Diện tích lúa bị nhiễm bệnh bạc lá hại lúa 50,848 ha, diện tích nhiễm bệnh tập trung ở các tỉnh phía Nam, phía Bắc.

- Sâu đục thân hại lúa diện tích nhiễm chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Bắc.

- Rầy nâu, RLT hại lúa diện tích nhiễm bệnh lên tới 67,661 ha, diện tích nhiễm nặng hơn 2000 ha, tập trung ở các tỉnh Bắc Bộ, phía Nam.

- Diện tích lúa nhiễm bệnh lùn sọc đen 18,712 ha, trong đó mất trắng 2,789 ha tập trung ở các tỉnh: Quảng Bình, Nghệ An, Quảng Trị, Nam Định, Hải Phòng.

- Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa diện tích nhiễm 375,983 ha trong đó diện tích nhiễm nặng 135,011 ha. Diện tích nhiễm tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

- Bệnh khô vằn hại lúa diện tích nhiễm 214,250 ha, diện tích nhiễm nặng 197,623 ha, diện tích nhiễm chủ yếu ở các tỉnh khu IV.

Ngoài ra một số bệnh như ốc bươu vàng hại lúa, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lem lép hại lúa diện tích nhiễm có gia tăng nhưng ko đáng kể, diện tích nhiễm trung bình từ 1000-1,500 ha.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2017

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa X-XII năm 2017 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0 đến 1,0°C. Trong đó, nhiều khả năng nhiệt độ lớn hơn TBNN đáng kể nhất ở khu vực phía Bắc.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa X-XII có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phía Bắc; và từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phía Nam. Chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng tiếp theo dao động từ -200 đến 200 mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

- Không khí lạnh: Có khoảng 10 đến 11 đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta trong mùa 3 tháng X-XII năm 2017.

- Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTNĐ trên Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta trong mùa tiếp theo có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Trong đó, khu vực chịu tác động chính trong mùa tiếp theo là Trung-Nam Trung Bộ.

- Mưa lớn: Khu vực Trung-Nam Trung Bộ có khả năng xuất hiện nhiều đợt mưa lớn do ảnh hưởng của KKL kết hợp với XTNĐ;

- Khô hạn: Các khu vực miền núi phía Bắc và Nam Bộ cần đề phòng khả năng thiếu nước và khô hạn trong mùa X-XII/2017.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng X và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với sâu đục thân, rầy nâu và sâu cuốn lá nhỏ;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

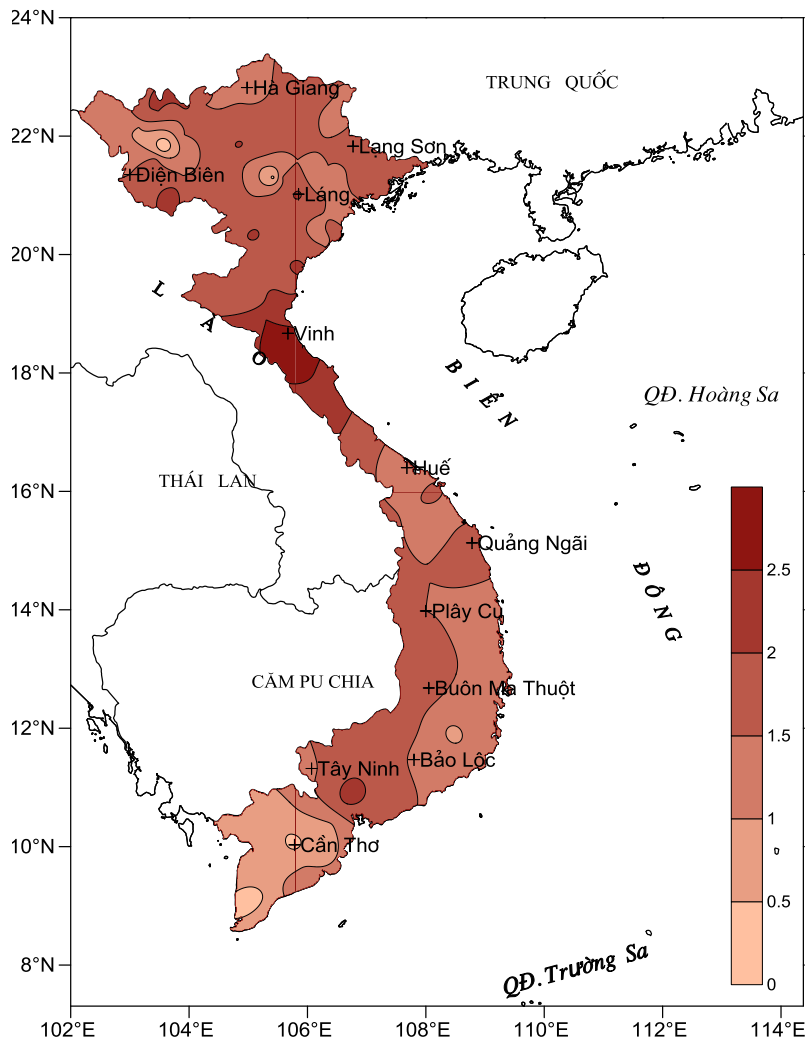
- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ, bão gây ra;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen, khô vằn;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

3. Miền Nam

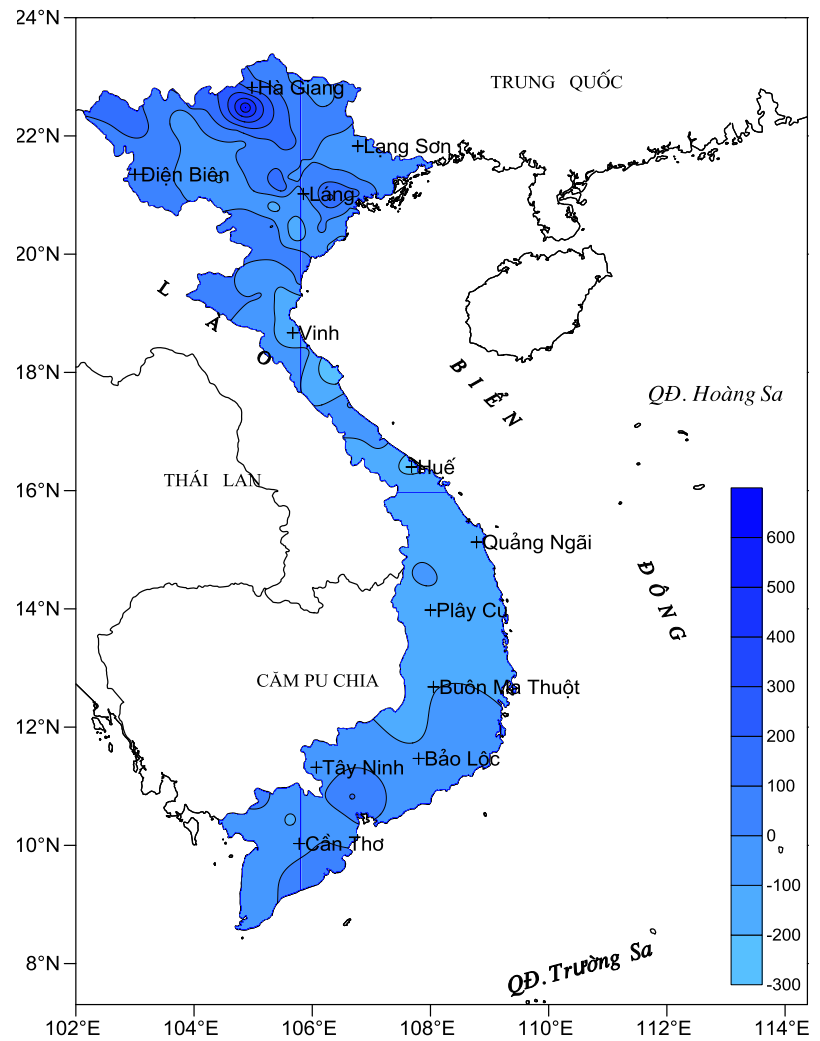
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là bệnh đạo ôn lá, cỏ bông, rầy nâu, rầy lưng trắng.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

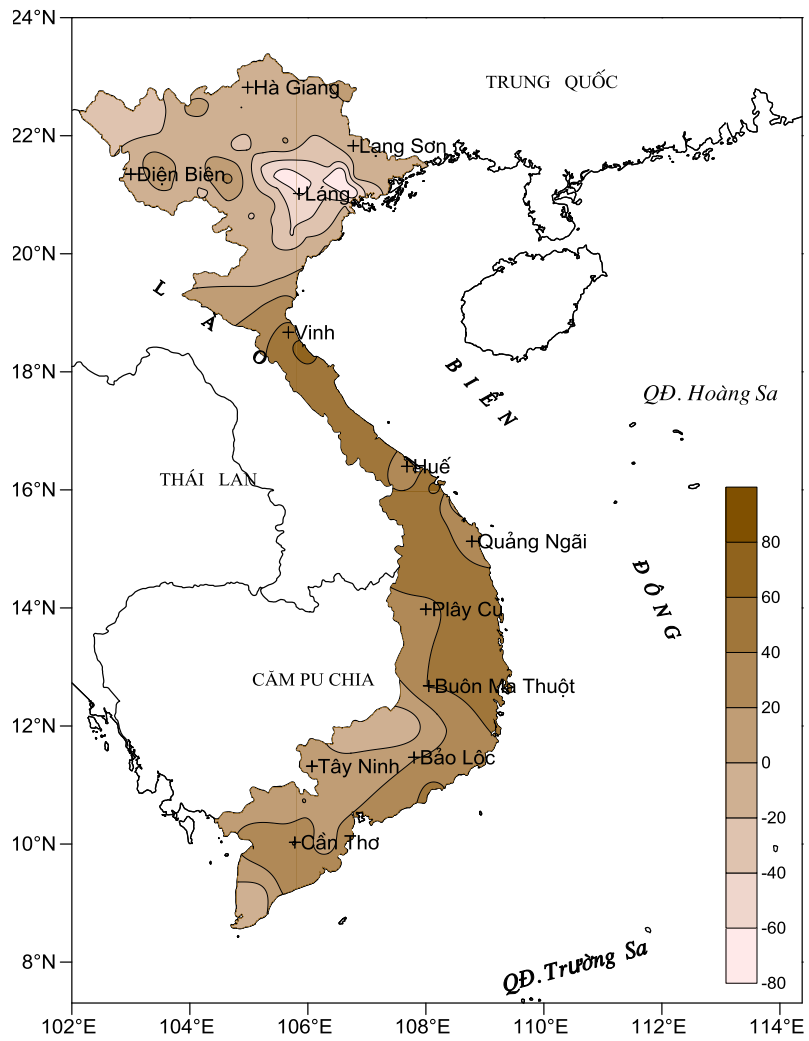
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng X, XI, XII năm 2017;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng X năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



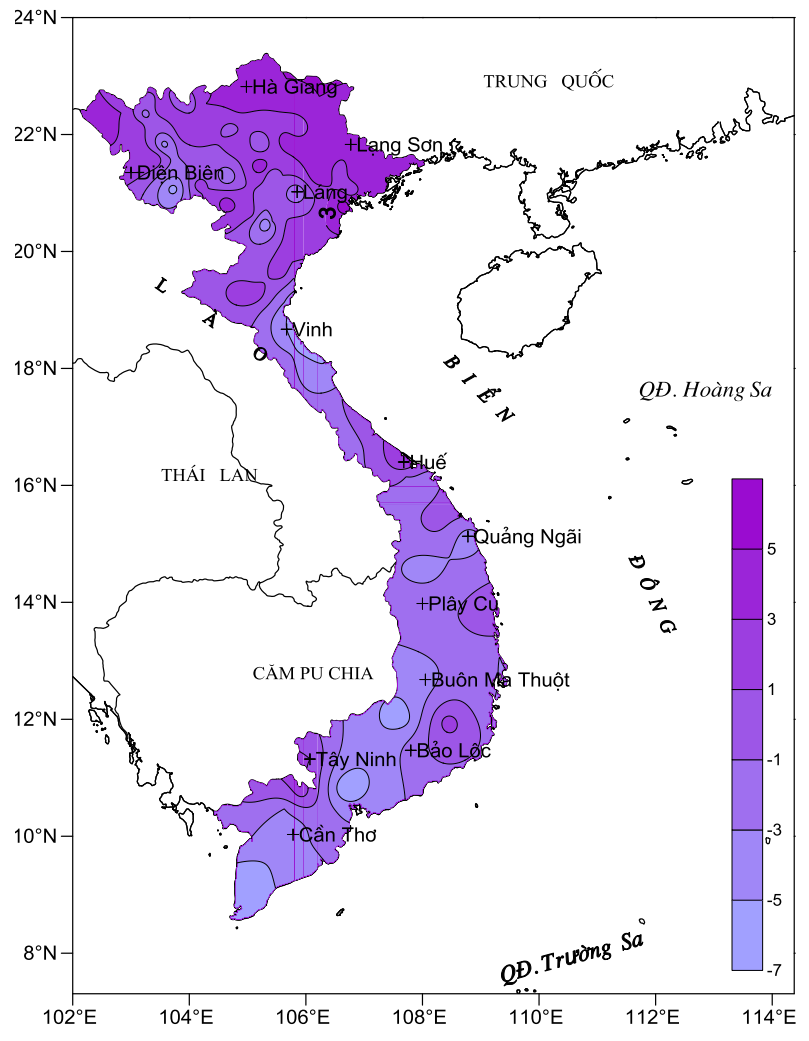
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2017 so với TBNN (°C)



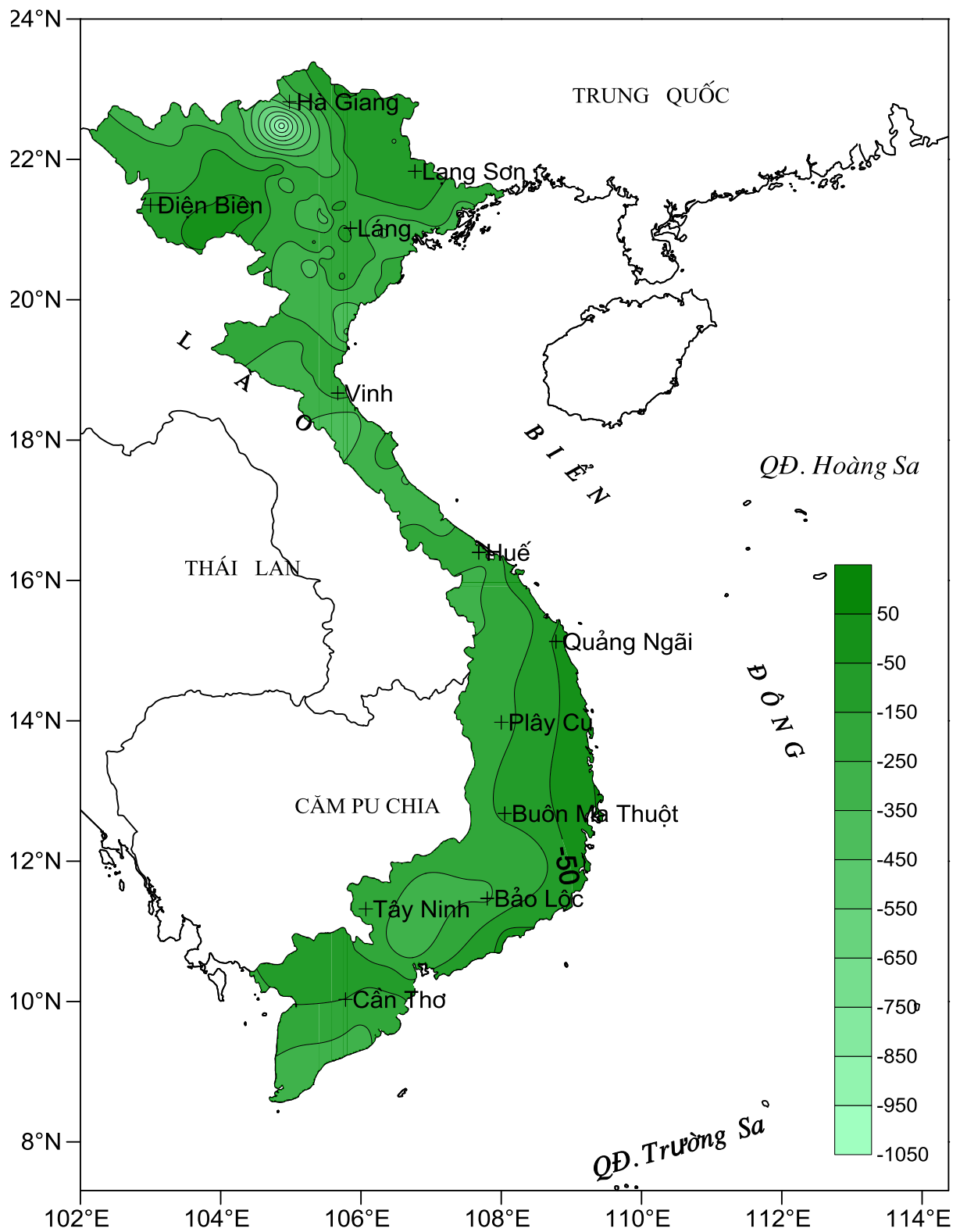
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2017 (mm)